

PHỤ LỤC DANH MỤC THUỐC TRÚNG THẦU

GÓI THẦU SỐ 02: GÓI THẦU THUỐC GENERIC

Dự án: Mua sắm thuốc năm 2019

(Danh mục đính kèm theo Quyết định số 972 /QĐ-BVTMH ngày 23/09/2019 của Giám đốc Bệnh viện Tai Mũi Họng)

STT	STT trong Hồ sơ mời thầu	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SDK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Giá trúng thầu	Số lượng trúng thầu	Thành tiền
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)
1 CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM AGIMEXPHARM																
Nhóm 3: Thuốc sản xuất trên dây chuyền sản xuất đạt tiêu chuẩn WHO-GMP được Bộ Y tế Việt Nam cấp giấy chứng nhận																
1	139	Eprazinon dihydroclorid	EZINOL		VD-14667-11 (có CV gia hạn hiệu lực số 11812/QLD-ĐK ngày 10/8/2017)	50mg	viên nén bao phim		Uống	Viên	Công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm	Việt Nam	Hộp 2 vi x 15 viên	285	25,000	7,125,000
2	187	Piracetam	AGICETAM 800		VD-25115-16		Viên nén bao phim		Uống	Viên	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm - Nhà máy sản xuất dược phẩm Agimexpharm	Việt Nam	Hộp 10 vi x 10 viên	250	90,000	22,500,000
3	188	Povidone iodine	POVIDONE		VD-17882-12 (có CV gia hạn hiệu lực số 39/QLD-ĐK ngày 05/01/2018)	10%	Dung dịch dùng ngoài	Chai/Lọ 90ml	Dùng ngoài	Chai	Công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm	Việt Nam	Chai nhựa HD chứa 90ml	7,650	4,000	30,600,000
4	203	Retinyl acetat (Vitamin A)	AGIRENYL		VD-14666-11 (có CV gia hạn hiệu lực số 21322/QLD-ĐK ngày 28/12/2018)	5.000IU	Viên nang		Uống	Viên	Công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm	Việt Nam	Hộp 10 vi x 10 viên	215	6,000	1,290,000
TỔNG CỘNG															4.00	61,515,000.00

														TỔNG CỘNG	4.00	61,515,000.00	
2	CÔNG TY CP DƯỢC PHẨM AN THIÊN																
Nhóm 3: Thuốc sản xuất trên dây chuyền sản xuất đạt tiêu chuẩn WHO-GMP được Bộ Y tế Việt Nam cấp giấy chứng nhận																	
1	101	Betahistin dihydrochlorid	Betahistin 16 A.T		VD-24741-16	16mg	Viên nén		Uống	Viên	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên	Việt Nam	Hộp 10 vỉ x 10 viên	216	6,000	1,296,000	
2	137	Ebastin	Atirin 10		VD-26755-17	10mg	Viên nén		Uống	Viên	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên	Việt Nam	Hộp 3 vỉ x 10 viên	1,050	12,000	12,600,000	
														TỔNG CỘNG	2.00	13,896,000.00	
														TỔNG CỘNG	2.00	13,896,000.00	
3	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM BÁCH KHANG																
Nhóm 2: Thuốc sản xuất trên dây chuyền sản xuất đạt tiêu chuẩn EU-GMP hoặc PIC/s-GMP nhưng không thuộc nước tham gia ICH và Australia																	
1	72	Cao khô lá bạch quả (tương đương 17,6mg-21,6mg Ginkgo flavonol glycoside) (Ginkgo biloba)	Seovigo		VN-20160-16	80mg	Viên nén bao phim		Uống	viên	Pharvis Korea Pharm. Co., Ltd.	Korea	Hộp 10 vỉ x 10 viên	4,450	5,000	22,250,000	
														TỔNG CỘNG	1.00	22,250,000.00	
														TỔNG CỘNG	1.00	22,250,000.00	
4	CÔNG TY TNHH BÌNH VIỆT ĐỨC																
Nhóm 1: Thuốc sản xuất trên dây chuyền sản xuất đạt tiêu chuẩn EU-GMP hoặc PIC/s-GMP tại cơ sở sản xuất thuộc nước tham gia ICH và Australia;+ Thuốc sản xuất trên dây chuyền sản xuất thuốc đạt tiêu chuẩn WHO-GMP do Bộ Y tế Việt Nam cấp giấy chứng nhận và được cơ quan quản lý quốc gia có thẩm quyền cấp phép lưu hành tại nước tham gia ICH hoặc Australia																	
1	61	Vancomycin(dưới dạng Vancomycin)	Vammybivid's (Xuất xưởng: Sanavita Pharmaceuticals GmbH,đ/c: Lohstrasse 2, D-59368 Werne, Đức)	Vammybivid's	VN-16648-13 (Có CVGH số 13903/QLD-ĐK ngày 19/07/2018)	1g	Thuốc bột đông khô pha tiêm		Tiêm	Lọ	Thymoorgan Pharmazie GmbH (Xuất xưởng: Sanavita Pharmaceuticals GmbH)	Germany	Hộp 5 lọ	96,000	2,000	192,000,000	
														TỔNG CỘNG	1.00	192,000,000.00	
														TỔNG CỘNG	1.00	192,000,000.00	
5	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM CHÂU Á - THÁI BÌNH DƯƠNG																
Nhóm 3: Thuốc sản xuất trên dây chuyền sản xuất đạt tiêu chuẩn WHO-GMP được Bộ Y tế Việt Nam cấp giấy chứng nhận																	
1	181	Mỗi 100ml dung dịch chứa: Paracetamol 1g	Amvifeta		VD-31574-19	1g/100ml	Dung dịch tiêm truyền	Chai/Lọ/ gói 100ml	Tiêm	Túi	Công ty Cổ phần Dược Phẩm Am Vi	Việt Nam	Hộp 10 túi x 100 ml	16,000	10,000	160,000,000	
														TỔNG CỘNG	1.00	160,000,000.00	
														TỔNG CỘNG	1.00	160,000,000.00	

6 CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DƯỢC PHẨM ĐÀN THANH																
Nhóm 1: Thuốc sản xuất trên dây chuyền sản xuất đạt tiêu chuẩn EU-GMP hoặc PIC/s-GMP tại cơ sở sản xuất thuộc nước tham gia ICH và Australia;+ Thuốc sản xuất trên dây chuyền sản xuất thuốc đạt tiêu chuẩn WHO-GMP do Bộ Y tế Việt Nam cấp giấy chứng nhận và được cơ quan quản lý quốc gia có thẩm quyền cấp phép lưu hành tại nước tham gia ICH hoặc Australia																
1	60	Tyrothricin + Benzalkonium clorid +Benzocain	Dorithricin		VN-20293-17	0,5mg + 1mg + 1,5mg	Viên ngậm họng		Ngậm	Viên	Medice Arzneimittel Putter GmbH & Co.KG	Đức	Hộp 2 vỉ x 10 viên	2,200	200,000	440,000,000
TỔNG CỘNG															1.00	440,000,000.00
TỔNG CỘNG															1.00	440,000,000.00
7 CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC DANAPHA																
Nhóm 3: Thuốc sản xuất trên dây chuyền sản xuất đạt tiêu chuẩn WHO-GMP được Bộ Y tế Việt Nam cấp giấy chứng nhận																
1	161	Metoclopramid hydroclorid	Metoran		VD-25093-16	10mg/2ml	Dung dịch tiêm		Tiêm	Ống	Công ty Cổ phần Dược Danapha	Việt Nam	Hộp 10 ống x 2ml	1,295	700	906,500
2	184	Paracetamol + Ibuprofen	Dibulaxan		VD-30234-18	325mg + 200mg	Viên nén		Uống	Viên	Công ty Cổ phần Dược Danapha	Việt Nam	Hộp 5 vỉ x 20 viên	252	5,000	1,260,000
3	200	Acid tranexamic	Zentramol		VD-26684-17	250mg/5ml	Dung dịch tiêm		Tiêm	Ống	Công ty Cổ phần Dược Danapha	Việt Nam	Hộp 10 ống x 5ml	2,400	4,000	9,600,000
TỔNG CỘNG															3.00	11,766,500.00
TỔNG CỘNG															3.00	11,766,500.00
8 CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬT KHẨU Y TẾ DOMESCO																
Nhóm 3: Thuốc sản xuất trên dây chuyền sản xuất đạt tiêu chuẩn WHO-GMP được Bộ Y tế Việt Nam cấp giấy chứng nhận																
1	85	Acetylcystein	Esomez 200mg		VD-32278-19	200mg	Thuốc cốm pha hỗn dịch uống		Uống	Gói	Công ty CP XNK y tế DOMESCO	Việt Nam	Hộp 20 gói x1g	480	70,000	33,600,000
TỔNG CỘNG															1.00	33,600,000.00
TỔNG CỘNG															1.00	33,600,000.00
9 CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DƯỢC PHẨM ĐÔNG Á																
Nhóm 1: Thuốc sản xuất trên dây chuyền sản xuất đạt tiêu chuẩn EU-GMP hoặc PIC/s-GMP tại cơ sở sản xuất thuộc nước tham gia ICH và Australia;+ Thuốc sản xuất trên dây chuyền sản xuất thuốc đạt tiêu chuẩn WHO-GMP do Bộ Y tế Việt Nam cấp giấy chứng nhận và được cơ quan quản lý quốc gia có thẩm quyền cấp phép lưu hành tại nước tham gia ICH hoặc Australia																
1	51	Povidon Iod	Betadine Gargle and Mouthwash		VN-20035-16	1% kl/tt	Dung dịch súc họng và súc miệng	Chai/Lọ 125ml	Dùng ngoài	Chai	Mundipharma Pharmaceuticals Ltd.	Cyprus	Hộp 1 chai 125 ml	56,508	500	28,254,000
2	52	Povidon Iod	Betadine Antiseptic Solution 10% w/v	Betadine Antiseptic Solution	VN-19506-15	10% kl/tt	Dung dịch dùng ngoài	Chai/Lọ 125ml	Dùng ngoài	Chai	Mundipharma Pharmaceuticals Ltd.	Cyprus	Hộp 1 chai 125 ml	42,400	1,000	42,400,000
TỔNG CỘNG															2.00	70,654,000.00
TỔNG CỘNG															2.00	70,654,000.00
10 CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DƯỢC PHẨM ĐÔNG SÀI GÒN																
Nhóm 2: Thuốc sản xuất trên dây chuyền sản xuất đạt tiêu chuẩn EU-GMP hoặc PIC/s-GMP nhưng không thuộc nước tham gia ICH và Australia																

1	69	Erdosteine	ELDOSIN	Eldosin Capsule	VN-21033-18	300mg	Viên nang cứng		Uống	Viên	Korea Arlico Pharm. Co., Ltd.	Hàn Quốc	Hộp 3 vi x 10 viên	5,900	5,000	29,500,000
2	71	Cao khô lá bạch quả (tương đương Ginkgo flavon glycosid) (Ginkgo biloba)	INTERGINKO TABLET 120MG		VN-20401-17	Cao khô lá bạch quả (tương đương Ginkgo flavon glycosid 28,8mg) 120 mg	Viên nén bao phim		Uống	Viên	Korea Arlico Pharm. Co., Ltd.	Hàn Quốc	Hộp 10 vi x 10 viên	6,100	5,000	30,500,000
3	77	Mosaprid citrat (dưới dạng Mosaprid citrat duhydrat)	MOSANE	Mosane Tablet	VN-19818-16	5mg	Viên nén bao phim		Uống	Viên	Korea Arlico Pharm. Co., Ltd.	Hàn Quốc	Hộp 10 vi x 10 viên	2,400	5,000	12,000,000

TỔNG CỘNG **3.00** **72,000,000.00**

Nhóm 3: Thuốc sản xuất trên dây chuyền sản xuất đạt tiêu chuẩn WHO-GMP được Bộ Y tế Việt Nam cấp giấy chứng nhận

4	90	Acrivastin	ALLERGEX		VD-26969-17	8mg	Viên nang cứng		Uống	Viên	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV	Việt Nam	Hộp 5 vi x 10 viên	8,800	3,000	26,400,000
5	91	Escin (Aescin)	AESCIN 20MG		VD-23473-15	20mg	Viên nén bao phim		Uống	Viên	Công ty Cổ phần Dược Minh Hải	Việt Nam	Hộp 3 vi x 30 viên	2,900	150,000	435,000,000
6	116	Cefprozil	CEFPROZIL 500-US		VD-27638-17	500mg	Viên nén bao phim		Uống	Viên	Công ty cổ phần US Pharma USA	Việt Nam	Hộp 1 vi x 10 viên	28,600	5,000	143,000,000
7	129	Desloratadin	BOSTANEX		VD-31606-19	0,5mg/ml	Sì rô	Chai/lọ 60ml	Uống	Chai	Công ty Cổ phần Dược phẩm Boston Việt Nam	Việt Nam	Hộp 1 chai 60ml	45,890	300	13,767,000
8	197	Thymomodulin	IMODULIN		VD-19813-13 (có CVGH số 23378/QLD-ĐK ngày 21/12/2018)	80mg	Viên nang cứng		Uống	Viên	Công ty Cổ phần Dược Danapha	Việt Nam	Hộp 6 vi x 10 viên	2,500	5,000	12,500,000

TỔNG CỘNG **5.00** **630,667,000.00**

TỔNG CỘNG **8.00** **702,667,000.00**

11 CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM ĐỨC ANH

Nhóm 1: Thuốc sản xuất trên dây chuyền sản xuất đạt tiêu chuẩn EU-GMP hoặc PIC/s-GMP tại cơ sở sản xuất thuộc nước tham gia ICH và Australia;+ Thuốc sản xuất trên dây chuyền sản xuất thuốc đạt tiêu chuẩn WHO-GMP do Bộ Y tế Việt Nam cấp giấy chứng nhận và được cơ quan quản lý quốc gia có thẩm quyền cấp phép lưu hành tại nước tham gia ICH hoặc Australia

1	6	Amoxicilin + Acid Clavulanic	Axuka		VN-20700-17	1000mg + 200mg	Bột pha tiêm		Tiêm	Lọ	S.C. Antibiotice S.A.	Romani	Hộp 50 lọ	38,976	25,000	974,400,000
---	---	------------------------------	-------	--	-------------	----------------	--------------	--	------	----	-----------------------	--------	-----------	--------	--------	-------------

TỔNG CỘNG **1.00** **974,400,000.00**

TỔNG CỘNG **1.00** **974,400,000.00**

12 CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DƯỢC SÀI GÒN																
Nhóm 1: Thuốc sản xuất trên dây chuyền sản xuất đạt tiêu chuẩn EU-GMP hoặc PIC/s-GMP tại cơ sở sản xuất thuốc nước tham gia ICH và Australia;+ Thuốc sản xuất trên dây chuyền sản xuất thuốc đạt tiêu chuẩn WHO-GMP do Bộ Y tế Việt Nam cấp giấy chứng nhận và được cơ quan quản lý quốc gia có thẩm quyền cấp phép lưu hành tại nước tham gia ICH hoặc Australia																
1	26	Fentanyl (dưới dạng fentanyl citrate)	FENTANYL - HAMELN 50MCG/ML		VN-17326-13 (có Giấy GH hiệu lực số Đk 13904/QLD-ĐK ngày 19/7/2018)	50mcg/ml	Dung dịch tiêm	Ống 2ml	Tiêm	Ống	Siegfried Hameln GmbH	Đức	Hộp 10 ống x 2 ml	11,800	500	5,900,000
2	32	Midazolam (dưới dạng Midazolam HCl)	MIDAZOLAM - HAMELN 5MG/ML		VN-16993-13 (có CV gia hạn duy trì hiệu lực số ĐK 13904/QLD-ĐK ngày 19/7/2018)	5mg/ml	Dung dịch tiêm		Tiêm	Ống	Siegfried Hameln GmbH	Đức	Hộp 10 ống x 1 ml	18,480	16,000	295,680,000
TỔNG CỘNG														2.00	301,580,000.00	

Nhóm 5: Thuốc không đáp ứng tiêu chí các lô 1, 2, 3, 4																
3	222	Mometason Furoat	RHITAS NASAL SPRAY		VN-19339-15	0,5mcg/liều xịt	Hỗn dịch xịt mũi	Bình 140 liều xịt	Dùng ngoài	Hộp	Samil Pharm. Co., Ltd	Hàn Quốc	Hộp chứa 1 bình xịt 18g (140 liều xịt)	159,500	500	79,750,000
TỔNG CỘNG														1.00	79,750,000.00	
TỔNG CỘNG														3.00	381,330,000.00	

13 CÔNG TY CỔ PHẦN GON SA																
Nhóm 3: Thuốc sản xuất trên dây chuyền sản xuất đạt tiêu chuẩn WHO-GMP được Bộ Y tế Việt Nam cấp giấy chứng nhận																
1	87	L-Isoleucin; L-Leucin; L-Lysin.HCl; L-Methionin; L-Phenylalanin; L-Threonin; L-Tryptophan; L-Valin; L-Arginin HCl; L-Histidin HCl; Glycin; L-Alanin; L-Prolin; L-Aspartic acid; L-Asparagin.H2O; L-Glutamic acid; L-Ornithin HCl; L-Serin; L-Tyrosin (Acid amin)	AMINOACID KABI 5%		VD-25361-16	5%, 500ml	Dung dịch tiêm truyền	Chai/ Túi 500ml	Tiêm	Chai	Công ty cổ phần Fresenius Kabi Việt Nam	Việt Nam	Chai 500ml	66,150	500	33,075,000
2	104	Calci glubionat (tương đương 45mg hoặc 1,12 mmol Calci)	CALCI GLUBIONAT KABI		VD-29312-18	687,5mg/5ml	Dung dịch tiêm		Tiêm	Ống	Công ty cổ phần Fresenius Kabi Việt Nam	Việt Nam	Hộp 10 ống x 5ml	5,000	50	250,000

3	153	Kali clorid	KALI CLORID KABI 10%		VD-19566-13 (CVGH SỐ 11437, NGÀY 19/06/2018)	10%	Dung dịch tiêm	Ống 10ml	Tiêm	Ống	Công ty cổ phần Fresenius Kabi Việt Nam	Việt Nam	Hộp 50 ốngx 10ml	2,751	10	27,510
4	159	Magnesi sulfat	MAGNESI SULFAT KABI 15%		VD-19567-13(CVGH SỐ 11437, NGÀY 19/06/2018)	15%	Dung dịch tiêm	Ống 10ml	Tiêm	Ống	Công ty cổ phần Fresenius Kabi Việt Nam	Việt Nam	Hộp 50 ốngx 10ml	2,900	10	29,000
5	160	D-Mannitol	MANNITOL		VD-23168-15	20g/100ml	Dung dịch tiêm truyền	Chai 250ml	Tiêm	Chai	Công ty cổ phần Fresenius Kabi Việt Nam	Việt Nam	Thùng 30 chai x 250ml	21,000	10	210,000
6	162	Montelukast (dưới dạng Montelukast natri)	DERDIYOK		VD-22319-15	10mg	Viên nén bao phim		Uống	Viên	Công ty cổ phần dược phẩm Đạt Vi Phú	Việt Nam	Hộp 3 vỉ x 10 viên	940	5,000	4,700,000
7	171	Natri clorid	NATRI CLORID 0,9%		VD-21954-14	0,9%	Dung dịch tiêm truyền	Chai 100ml	Tiêm	Chai	Công ty cổ phần Fresenius Kabi Việt Nam	Việt Nam	Chai nhựa 100ml	7,350	5,000	36,750,000
8	172	Natri bicarbonat	NATRI BICARBONAT 1,4%		VD-25877-16	1.4g/100ml	Dung dịch tiêm truyền	Chai 250ml	Tiêm	Chai	Công ty cổ phần Fresenius Kabi Việt Nam	Việt Nam	chai 250ml	31,973	10	319,730
9	173	Nước cất pha tiêm	NƯỚC CÁT PHA TIÊM		VD-23172-15		Dung môi pha tiêm	Chai 500ml	Tiêm	Chai	Công ty cổ phần Fresenius Kabi Việt Nam	Việt Nam	chai 500ml	8,610	15,000	129,150,000
10	174	Nước cất pha tiêm	NƯỚC CÁT PHA TIÊM		VD-23172-15		Dung môi pha tiêm	Chai 100ml	Tiêm	Chai	Công ty cổ phần Fresenius Kabi Việt Nam	Việt Nam	chai 100ml	6,800	25,000	170,000,000

TỔNG CỘNG **10.00** **374,511,240.00**

TỔNG CỘNG **10.00** **374,511,240.00**

14 CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM THIẾT BỊ Y TẾ HÀ NỘI

Nhóm 2: Thuốc sản xuất trên dây chuyền sản xuất đạt tiêu chuẩn EU-GMP hoặc PIC/s-GMP nhưng không thuộc nước tham gia ICH và Australia

1	76	Montelukast natri	MONTENUZYD		VN-15256-12 KÈM CÔNG VĂN 4775/QLD NGÀY 3/4/2013 VỀ VIỆC TĂNG HẠN DÙNG VÀ CÔNG VĂN SỐ 23609/QLD-DK NGÀY 26/12/2018 VV DUY TRÌ SĐK VÀ CÔNG VĂN 10270/QLD-DK NGYAF 5/6/2018 V/V THAY ĐỔI CÁCH GHI ĐỊA CHỈ NHÀ SẢN XUẤT, THAY ĐỔI MẪU NHÃN, THAY ĐỔI CÁCH GHI ĐỊA CHỈ TRONG TỜ HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG	10mg Montelukast	viên nén bao phim		Uống	Viên	Cadila Healthcare Ltd.	India	Hộp 3 vi x 10 viên	1,638	6,000	9,828,000
---	----	-------------------	------------	--	---	---------------------	----------------------	--	------	------	---------------------------	-------	-----------------------	-------	-------	-----------

TỔNG CỘNG **1.00** **9,828,000.00**

TỔNG CỘNG **1.00** **9,828,000.00**

15 CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HẬU GIANG

Nhóm 2: Thuốc sản xuất trên dây chuyền sản xuất đạt tiêu chuẩn EU-GMP hoặc PIC/s-GMP nhưng không thuộc nước tham gia ICH và Australia

1	63	Chymotrypsin(tương đương 4200USP unit)	AlphaDHG		VD-20546-14 (CV GIA HẠN SỐ 3203/QLD-DK ngày 18/03/2019)	21 microkatal	Viên nén		Uống	viên	CTCP Dược Hậu Giang - CN nhà máy DP DHG tại Hậu Giang	Việt Nam	Hộp 2 vi x 10 viên	1,000	100,000	100,000,000
2	80	Vitamin C	Bocalex C 1000		VD-22366-15	1000mg	Viên nén sủi bọt		Uống	viên	CTCP Dược Hậu Giang - CN nhà máy DP DHG tại Hậu Giang	Việt Nam	Hộp 1 tuýp 10 viên	1,150	6,000	6,900,000

TỔNG CỘNG **2.00** **106,900,000.00**

Nhóm 3: Thuốc sản xuất trên dây chuyền sản xuất đạt tiêu chuẩn WHO-GMP được Bộ Y tế Việt Nam cấp giấy chứng nhận

3	83	Acetylcystein	Mitux E		VD-20578-14 (CV GIA HẠN SỐ 3201/QLD- ĐK ngày 18/03/2019)	100mg	Thuốc bột uống		Uống	gói	CTCP Dược Hậu Giang - CN nhà máy DP DHG tại Hậu Giang	Việt Nam	Hộp 24 gói x 1,5g	467	10,000	4,670,000
4	86	Acyclovir	Medskin Clovir 400		VD-22034-14	400 mg	Viên nén		Uống	viên	CTCP Dược Hậu Giang - CN nhà máy DP DHG tại Hậu Giang	Việt Nam	Hộp 6 vi x 10 viên	798	2,000	1,596,000
5	106	Cefaclor (dưới dạng Cefaclor monohydrat)	Kefcin 250		VD-24014-15	250mg	Viên nang cứng (tím- trắng)		Uống	viên	CTCP Dược Hậu Giang - CN nhà máy DP DHG tại Hậu Giang	Việt Nam	Hộp 3 vi x 10 viên	1,712	8,000	13,696,000
6	107	Cefaclor (dưới dạng Cefaclor monohydrat)	Kefcin 375		VD-24614-16	375mg	Viên nén bao phim		Uống	viên	CTCP Dược Hậu Giang - CN nhà máy DP DHG tại Hậu Giang	Việt Nam	Hộp 2 vi x 5 viên	2,510	20,000	50,200,000

TỔNG CỘNG **4.00** **70,162,000.00**

TỔNG CỘNG **6.00** **177,062,000.00**

16 CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM VÀ TRANG THIẾT BỊ Y TẾ HOÀNG ĐỨC

Nhóm 1: Thuốc sản xuất trên dây chuyền sản xuất đạt tiêu chuẩn EU-GMP hoặc PIC/s-GMP tại cơ sở sản xuất thuộc nước tham gia ICH và Australia;+ Thuốc sản xuất trên dây chuyền sản xuất thuốc đạt tiêu chuẩn WHO-GMP do Bộ Y tế Việt Nam cấp giấy chứng nhận và được cơ quan quản lý quốc gia có thẩm quyền cấp phép lưu hành tại nước tham gia ICH hoặc Australia

1	14	Ciprofloxacin (dưới dạng ciprofloxacin HCl)	Cetraxal		VN-18541-14	0,2%	Dung dịch nhỏ tai	Lọ 0,25ml	Nhỏ tai	Ống	Laboratorios Salvat, S.A	Tây Ban Nha	Hộp 15 ống x 0.25ml	8,600	15,000	129,000,000
---	----	---	----------	--	-------------	------	----------------------	--------------	---------	-----	-----------------------------	----------------	------------------------	-------	--------	-------------

TỔNG CỘNG **1.00** **129,000,000.00**

Nhóm 2: Thuốc sản xuất trên dây chuyền sản xuất đạt tiêu chuẩn EU-GMP hoặc PIC/s-GMP nhưng không thuộc nước tham gia ICH và Australia

2	70	Flunarizine Hydrochloride	Nomigrain		VN-15645-12	5mg Flunarizine	Viên nang cứng		Uống	Viên	Torrent Pharmaceuticals Ltd.	Ân Độ	Hộp 5 vi x 2 x 10 viên	1,000	15,000	15,000,000
3	78	Piracetam	Fepinram		VN-18435-14	200mg/ml	Dung dịch tiêm bắp/tiêm tĩnh mạch		Tiêm	Chai	PT Ferron Par Pharmaceuticals	Indonesia	Hộp 1 chai 60ml	89,200	8,000	713,600,000

TỔNG CỘNG **2.00** **728,600,000.00**

TỔNG CỘNG **3.00** **857,600,000.00**

17 CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM IP

Nhóm 3: Thuốc sản xuất trên dây chuyền sản xuất đạt tiêu chuẩn WHO-GMP được Bộ Y tế Việt Nam cấp giấy chứng nhận

1	115	Cefprozil (dưới dạng Cefprozil monohydrat)	Brodicef 250		VD-26812-17	250mg	Viên nén bao phim		Uống	Viên	Công Ty Cổ Phần Dược Phẩm Hà Tây	Việt Nam	Hộp 2 vi x 15 viên	17,900	5,000	89,500,000
---	-----	---	--------------	--	-------------	-------	----------------------	--	------	------	-------------------------------------	----------	-----------------------	--------	-------	------------

														TỔNG CỘNG	1.00	89,500,000.00
														TỔNG CỘNG	1.00	89,500,000.00
18 CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM KHÁNH HÒA																
Nhóm 3: Thuốc sản xuất trên dây chuyền sản xuất đạt tiêu chuẩn WHO-GMP được Bộ Y tế Việt Nam cấp giấy chứng nhận																
1	84	Acetylcystein	Acetylcystein		VD-16381-12 (có CV gia hạn số 10225/QLD-ĐK ngày 5/10/2018)	200mg	Viên nang		Uống	Viên	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hòa	Việt Nam	Hộp 10 vi x 10 viên	210	10,000	2,100,000
2	93	Alimemazin (dưới dạng Alimemazin tartrat)	Thelizin		VD-24788-16	5mg	viên nén bao phim		Uống	Viên	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hòa	Việt Nam	Hộp 20 vi x 25 viên	74	1,000	74,000
3	94	Alpha chymotrypsin	Katrypsin		VD-18964-13 (có CV gia hạn hiệu lực số 14635/QLD-ĐK ngày 30/7/2018)	21 microkatal	viên nén		Uống	Viên	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hòa	Việt Nam	Hộp 15 vi x 10 viên	118	150,000	17,700,000
4	95	Ambroxol hydroclorid	Ambroxol		VD-31730-19	30mg	Viên nén		Uống	Viên	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hòa	Việt Nam	Hộp 10 vi x 10 viên	128	40,000	5,120,000
5	120	Cetirizin dihydroclorid	Kacerin		VD-19387-13 (có CV gia hạn số 23364/QLD-ĐK ngày 21/12/2018)	10mg	Viên nén		Uống	Viên	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hòa	Việt Nam	Chai 1000 viên	54	30,000	1,620,000
6	122	Chlorpheniramin maleat	Clorpheniramin		VD-17176-12 (có CV gia hạn hiệu lực số 16608/QLD-ĐK ngày 28/8/2018)	4mg	viên nén		Uống	Viên	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hòa	Việt Nam	Chai 1000 viên	25	200,000	5,000,000
7	123	Cinnarizin	Cinnarizin		VD-31734-19	25mg	viên nén		Uống	Viên	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hòa	Việt Nam	Hộp 4 vi x 50 viên	46	5,000	230,000
8	130	Desloratadin	Desloratadin		VD-25193-16	5mg	viên nén bao phim		Uống	Viên	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hòa	Việt Nam	Hộp 10 vi x 10 viên	169	20,000	3,380,000
9	134	Diclofenac natri	Diclofenac		VD-25528-16	50mg	viên nén bao phim tan trong ruột		Uống	Viên	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hòa	Việt Nam	Hộp 10 vi x 10 viên	99	10,000	990,000
10	143	Fexofenadin hydroclorid	Fefasdin 120		VD-22476-15	120mg	viên nén bao phim		Uống	Viên	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hòa	Việt Nam	Hộp 10 vi x 10 viên	497	60,000	29,820,000

11	144	Fexofenadin HCl	Fefasdin 180		VD-13441-10 (có công văn gia hạn hiệu lực số 3593/QLD-ĐK ngày 21/3/2019)	180mg	viên nén bao phim		Uống	Viên	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hòa	Việt Nam	Hộp 10 vi x 10 viên	688	15,000	10,320,000
12	145	Fexofenadin hydroclorid	Fefasdin 60		VD-26174-17	60mg	viên nén bao phim		Uống	Viên	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hòa	Việt Nam	Hộp 10 vi x 10 viên	240	60,000	14,400,000
13	156	Levocetirizin dihydrochlorid	Clanzen		VD-28970-18	5mg	Viên nén bao phim		Uống	Viên	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hòa	Việt Nam	Hộp 10 vi x 10 viên	176	20,000	3,520,000
14	158	Gel nhôm hydroxyd khô; Magnesi hydroxyd	Remint-S fort		VD-21655-14	400mg + 400mg	Viên nén nhai		Uống	Viên	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hòa	Việt Nam	Hộp 1 Chai 100 viên	218	8,000	1,744,000
15	183	Paracetamol	Panactol 325mg		VD-19389-13 (có CV gia hạn hiệu lực số 23364/QLD-ĐK ngày 21/12/2018)	325mg	viên nén dài		Uống	Viên	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hòa	Việt Nam	Hộp 1 Chai 1000 viên	84	5,000	420,000
16	191	Spiramycin	Spiramycin 1,5 MIU		VD-31747-19	1.500.000 IU	Viên nén bao phim		Uống	Viên	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hòa	Việt Nam	Hộp 10 vi x 10 viên	1,195	2,000	2,390,000
17	192	Spiramycin	Spiramycin 3MIU		VD-16398-12 (có CV gia hạn hiệu lực số 11324/QLD-ĐK ngày 21/12/2018)	3.000.000 IU	viên nén bao phim		Uống	Viên	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hòa	Việt Nam	Hộp 10 vi x 05 viên	2,337	10,000	23,370,000
18	193	Spiramycin + Metronidazol	Kamydazol		VD-25708-16	750.000IU + 125mg	Viên nén bao phim		Uống	Viên	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hòa	Việt Nam	Hộp 10 vi x 10 viên	712	2,000	1,424,000
19	207	Magnesi lactac dihydrat + Pyridoxin hydroclorid	Magnesi-B6		VD-23583-15	470mg + 5mg	viên nén bao phim		Uống	Viên	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hòa	Việt Nam	Hộp 10 vi x 10 viên	147	100,000	14,700,000
20	209	Acid Ascorbic (Vitamin C)	Vitamin C		VD-31749-19	500mg	viên nang cứng		Uống	Viên	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hòa	Việt Nam	Chai 200 viên	152	8,000	1,216,000
21	210	Nicotinamid (Vitamin PP)	Vitamin PP		VD-31750-19	500mg	Viên nén bao phim		Uống	Viên	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hòa	Việt Nam	Chai 200 viên	163	8,000	1,304,000

TỔNG CỘNG **21.00** **140,842,000.00**

TỔNG CỘNG **21.00** **140,842,000.00**

19 CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM KHƯƠNG DUY

Nhóm 1: Thuốc sản xuất trên dây chuyền sản xuất đạt tiêu chuẩn EU-GMP hoặc PIC/s-GMP tại cơ sở sản xuất thuộc nước tham gia ICH và Australia;+ Thuốc sản xuất trên dây chuyền sản xuất thuốc đạt tiêu chuẩn WHO-GMP do Bộ Y tế Việt Nam cấp giấy chứng nhận và được cơ quan quản lý quốc gia có thẩm quyền cấp phép lưu hành tại nước tham gia ICH hoặc Australia

1	49	Piracetam	Pracetam 800		VD-18538-13 (CÓ CV GIA HẠN HIỆU LỰC SĐK 12 THÁNG: 2681/QLD-ĐK NGÀY 07/03/2019)	800mg	Viên nén bao phim		Uống	viên	Chi nhánh Công ty TNHH Liên doanh Stada-VN	Việt Nam	Hộp 6 vi x 15 viên	1,320	15,000	19,800,000
---	----	-----------	--------------	--	---	-------	----------------------	--	------	------	--	----------	-----------------------	-------	--------	------------

TỔNG CỘNG **1.00** **19,800,000.00**

Nhóm 2: Thuốc sản xuất trên dây chuyền sản xuất đạt tiêu chuẩn EU-GMP hoặc PIC/s-GMP nhưng không thuộc nước tham gia ICH và Australia

2	79	Piracetam	Pracetam 800		VD-18538-13 (CÓ CV GIA HẠN HIỆU LỰC SĐK 12 THÁNG: 2681/QLD-ĐK NGÀY 07/03/2019)	800mg	Viên nén bao phim		Uống	viên	Chi nhánh Công ty TNHH Liên doanh Stada-VN	Việt Nam	Hộp 6 vi x 15 viên	1,320	15,000	19,800,000
---	----	-----------	--------------	--	---	-------	----------------------	--	------	------	--	----------	-----------------------	-------	--------	------------

TỔNG CỘNG **1.00** **19,800,000.00**

TỔNG CỘNG **2.00** **39,600,000.00**

20 CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM KIM PHÚC

Nhóm 1: Thuốc sản xuất trên dây chuyền sản xuất đạt tiêu chuẩn EU-GMP hoặc PIC/s-GMP tại cơ sở sản xuất thuộc nước tham gia ICH và Australia;+ Thuốc sản xuất trên dây chuyền sản xuất thuốc đạt tiêu chuẩn WHO-GMP do Bộ Y tế Việt Nam cấp giấy chứng nhận và được cơ quan quản lý quốc gia có thẩm quyền cấp phép lưu hành tại nước tham gia ICH hoặc Australia

1	50	Piracetam + Cinnarizine	Phezam		VN-15701-12 (có công văn GH hiệu lực số 15606/QLD-ĐK ngày 08/8/2018)	400mg + 25mg	viên nang cứng		Uống	Viên	Balkanpharma - Dupnitza AD	Bulgaria	Hộp 6 vi x 10 viên	2,800	15,000	42,000,000
---	----	----------------------------	--------	--	--	-----------------	-------------------	--	------	------	-------------------------------	----------	-----------------------	-------	--------	------------

TỔNG CỘNG **1.00** **42,000,000.00**

TỔNG CỘNG **1.00** **42,000,000.00**

21 CÔNG TY TNHH PHÂN PHỐI LIÊN KẾT QUỐC TẾ

Nhóm 2: Thuốc sản xuất trên dây chuyền sản xuất đạt tiêu chuẩn EU-GMP hoặc PIC/s-GMP nhưng không thuộc nước tham gia ICH và Australia

1	64	Ambroxol HCl	Ambroxol HCl Tablets 30mg		VN-21346-18	30mg	Viên nén		Uống	Viên	Standard Chem. & Pharm. Co., Ltd.	Đài Loan	Hộp 10 vi x 10 viên	1,050	5,000	5,250,000
---	----	--------------	------------------------------	--	-------------	------	----------	--	------	------	--------------------------------------	----------	------------------------	-------	-------	-----------

TỔNG CỘNG **1.00** **5,250,000.00**

TỔNG CỘNG **1.00** **5,250,000.00**

22 CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA-DƯỢC PHẨM MEKOPHAR

Nhóm 3: Thuốc sản xuất trên dây chuyền sản xuất đạt tiêu chuẩn WHO-GMP được Bộ Y tế Việt Nam cấp giấy chứng nhận

1	132	Dextromethorphan HBr; Chlorpheniramin maleat; Natri citrat dihydrat; Guaifenesin (Glyceryl guaiacolat)	Sirô ho Antituss Plus		VD-23191-15	Mỗi 5ml có: 5mg +1,33mg +133mg + 50mg, chai 60ml	Sirô	Chai 60ml	Uống	Chai	Công ty cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar	Việt Nam	Hộp 1 chai 60ml	11,500	100	1,150,000
2	142	Etodolac	Etodolmek 200		VD-18047-12 (KÈM CÔNG VĂN GIA HẠN SỐ 3787/QLD- ĐK NGÀY 21/03/2019)	200mg	Viên bao phim		Uống	Viên	Công ty cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar	Việt Nam	Hộp 3 vỉ x 10 viên	1,765	5,000	8,825,000
3	151	Dextrose tương đương Dextrose khan	Dextrose 30%		VD-21715-14	0,3g/ml	Dung dịch tiêm truyền	Chai 250ml	Tiêm truyền	Chai	Công ty cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar	Việt Nam	Chai nhựa 250ml	12,564	50	628,200

TỔNG CỘNG **3.00** **10,603,200.00**

TỔNG CỘNG **3.00** **10,603,200.00**

23 CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM MINH DÂN

Nhóm 3: Thuốc sản xuất trên dây chuyền sản xuất đạt tiêu chuẩn WHO-GMP được Bộ Y tế Việt Nam cấp giấy chứng nhận

1	103	Calci clorid dihydrat	Calci clorid 500mg/ 5ml		VD-22935-15	Mỗi 5ml chứa Calci clorid dihydrat 500mg	Dung dịch tiêm	Ống 5ml	Tiêm	Ống	Công ty CPDP Minh Dân	Việt Nam	Hộp 50 ống x 5ml	932	20	18,640
2	111	Cefixim (dưới dạng Cefixim trihydrat)	Cefixime 100mg		VD-32524-19	Mỗi gói 1,4g chứa Cefixim (dưới dạng Cefixim trihydrat) 100mg	Thuốc cốm pha hỗn dịch uống		Uống	Gói	Công ty CPDP Minh Dân	Việt Nam	Hộp 10 gói x 1,4g	1,080	3,000	3,240,000
3	113	Cefpodoxim (dưới dạng Cefpodoxim proxetil)	Cefodomid 100		VD-23595-15	Mỗi gói 1,4g chứa Cefpodoxim (dưới dạng Cefpodoxim proxetil) 100mg	Thuốc bột pha hỗn dịch uống		Uống	Gói	Công ty CPDP Minh Dân	Việt Nam	Hộp 10 gói x 1,4g	1,243	5,000	6,215,000
4	131	Dexamethason phosphat (dưới dạng Dexamethason natri phosphat)	Dexamethason 3,3mg/1ml	Dexamethason	VD-25716-16	4mg/ 1ml	Dung dịch tiêm		Tiêm	Ống	Công ty CPDP Minh Dân	Việt Nam	Hộp 10 ống x 1ml	805	1,000	805,000

5	138	Adrenalin (Dưới dạng Adrenalin bitartrat)	Adrenalin 1mg/1ml		VD-31774-19	1mg/1ml	dung dịch tiêm	Ống 1ml	Tiêm	Ống	Công ty CPDP Minh Dân	Việt Nam	Hộp 10 ống x 1ml	1,850	6,000	11,100,000
6	169	Natri clorid	Natri clorid 0,9%		VD-22949-15	0,9%	Dung dịch nhỏ mắt, mũi	Lọ/chai 10ml	Nhỏ mắt, mũi	Lọ	Công ty CPDP Minh Dân	Việt Nam	Hộp 20 lọ 10ml	1,320	210,000	277,200,000
7	176	Ofloxacin	Ofloxacin 0,3%		VD-23602-15	15mg/5ml	Dung dịch nhỏ mắt	Chai/lọ 5ml	Nhỏ mắt	Lọ	Công ty CPDP Minh Dân	Việt Nam	Hộp 20 lọ 5ml	2,403	400	961,200
8	185	Phytomenadion	Vitamin K1 10mg/1ml		VD-25217-16	10mg/1ml	Dung dịch tiêm	Ống 1ml	Tiêm	Ống	Công ty CPDP Minh Dân	Việt Nam	Hộp 10 ống x 1ml	1,675	100	167,500

TỔNG CỘNG **8.00** **299,707,340.00**

Nhóm 4: Thuốc có chứng minh tương đương sinh học do Bộ Y tế công bố

9	214	Cefuroxim (dưới dạng Cefuroxim axetil)	Cefuroxime 125mg		VD-23598-15	125mg	Bột pha hỗn dịch uống		Uống	Gói	Công ty CPDP Minh Dân	Việt Nam	Hộp 10 gói 3,5g	1,323	5,000	6,615,000
---	-----	---	------------------	--	-------------	-------	-----------------------	--	------	-----	-----------------------	----------	-----------------	-------	-------	-----------

TỔNG CỘNG **1.00** **6,615,000.00**

Nhóm 5: Thuốc không đáp ứng tiêu chí các lô 1, 2, 3, 4

10	218	Cefđinir	Midaxin 300		VD-22947-15	300mg	viên nang cứng		Uống	Viên	Công ty CPDP Minh Dân	Việt Nam	Hộp 1 túi nhôm x 1 vi nhôm/nhôm x 10 viên	2,650	5,000	13,250,000
11	219	Cefpodoxim (dưới dạng Cefpodoxim proxetil)	Cendromid 100		VD-24231-16	100mg	viên nang cứng		Uống	Viên	Công ty CPDP Minh Dân	Việt Nam	Hộp 1 túi x 1 vi x 10 viên	1,263	5,000	6,315,000
12	220	Cefpodoxim (dưới dạng Cefpodoxim proxetil)	Cefodomid 200		VD-24228-16	200mg	Viên nang cứng		Uống	Viên	Công ty CPDP Minh Dân	Việt Nam	Hộp 1 túi x 1 vi x 10 viên	1,715	5,000	8,575,000

TỔNG CỘNG **3.00** **28,140,000.00**

TỔNG CỘNG **12.00** **334,462,340.00**

24 CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM NAM HÂN

Nhóm 2: Thuốc sản xuất trên dây chuyền sản xuất đạt tiêu chuẩn EU-GMP hoặc PIC/s-GMP nhưng không thuộc nước tham gia ICH và Australia

1	65	Amoxicilin (dưới dạng Amoxicilin trihydrat); Acid clavulanic(dưới dạng Clavulanat)	Oxnas duo suspension		VN-20967-18	Mỗi 5ml hỗn dịch sau khi pha chứa: Amoxicilin (dưới dạng Amoxicilin trihydrat) 200mg; Acid clavulanic(dưới dạng Clavulanat) 28,5mg	Bột pha hỗn dịch uống	Chai 100ml	Uống	Chai	Penmix Ltd.	Hàn Quốc	Hộp 1 chai nhựa để pha 50ml hỗn dịch	78,000	200	15,600,000
---	----	---	----------------------	--	-------------	---	-----------------------	------------	------	------	-------------	----------	--------------------------------------	--------	-----	------------

TỔNG CỘNG **1.00** **15,600,000.00**

TỔNG CỘNG **1.00** **15,600,000.00**

28 CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHA NAM

Nhóm 3: Thuốc sản xuất trên dây chuyền sản xuất đạt tiêu chuẩn WHO-GMP được Bộ Y tế Việt Nam cấp giấy chứng nhận

1	100	Beclometason dipropionat	MECLONATE		VD-25904-16	0,05mg/ liều 0,05ml	Hỗn dịch xịt mũi	Bình 150 liều	Xịt mũi	Bình	CTY CP TẬP ĐOÀN MERAP	Việt Nam	Hộp 1 lọ 150 liều 50mcg	56,000	1,300	72,800,000
2	102	Budesonid	BENITA		VD-23879-15	64mcg/ liều xịt 0,05ml	Hỗn dịch xịt mũi	Bình xịt 120 liều	Xịt mũi	Bình	CTY CP TẬP ĐOÀN MERAP	Việt Nam	Hộp 1 bình 120 liều (liều 64 mcg)	90,000	1,300	117,000,000
3	121	Chlorhexidin digluconat	MEDORAL		VS-4919-15	0,5g/250ml	Dung dịch dùng ngoài (nước súc miệng)	Chai 250ml	Dùng ngoài	chai	CTY CP TẬP ĐOÀN MERAP	Việt Nam	Hộp 1 chai 250 ml	90,000	200	18,000,000
4	147	Fluticason propionat	MESECA		VD-23880-15	50mcg/ liều 0,05ml (0,1%)	Hỗn dịch xịt mũi	Bình xịt 60 liều	Xịt mũi	Bình	CTY CP TẬP ĐOÀN MERAP	Việt Nam	Hộp 1 lọ 60 liều (liều 50mcg)	96,000	1,500	144,000,000

TỔNG CỘNG **4.00** **351,800,000.00**

Nhóm 4: Thuốc có chứng minh tương đương sinh học do Bộ Y tế công bố

5	213	Cefaclor (dưới dạng Cefaclor monohydrat)	METINY		VD-27346-17	375mg	Viên nén bao phim giải phóng chậm		Uống	Viên	CTY CP TẬP ĐOÀN MERAP	Việt Nam	Hộp 1 vỉ x 10 viên	12,800	8,000	102,400,000
---	-----	--	--------	--	-------------	-------	-----------------------------------	--	------	------	-----------------------	----------	--------------------	--------	-------	-------------

TỔNG CỘNG **1.00** **102,400,000.00**

TỔNG CỘNG **5.00** **454,200,000.00**

29 CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM DƯỢC LIỆU PHARMEDIC

Nhóm 3: Thuốc sản xuất trên dây chuyền sản xuất đạt tiêu chuẩn WHO-GMP được Bộ Y tế Việt Nam cấp giấy chứng nhận																
1	88	Acid benzoic + Acid boric + Thymol + Menthol + Eucalyptol + Methyl salicylat	ORAFAR		VS-4833-12 (CV gia hạn số ĐK 14632/QLD-ĐK ngày 30/07/2018)	0,027g + 2,115g + 0,081g + 0,036g + 0,045g + 0,054g	Dung dịch súc miệng	Chai 90ml	Dùng ngoài	Chai	Công ty Cổ phần Dược phẩm Dược liệu Pharmedic	Việt Nam	Hộp 1 chai 90ml	6,164	5,000	30,820,000
2	202	Tyrothricin + Tetracain hydroclorid	TYROTAB		VD-18275-13 (CV gia hạn số ĐK 8960/QLD-ĐK ngày 10/06/2013)	Tyrothricin 1mg + Tetracain hydroclorid 0,1 mg	Viên nén ngậm		Ngậm	Viên	Công ty Cổ phần Dược phẩm Dược liệu Pharmedic	Việt Nam	Hộp 10 vi x 8 viên ngậm	294	40,000	11,760,000
TỔNG CỘNG														2.00	42,580,000.00	
TỔNG CỘNG														2.00	42,580,000.00	

30 CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DƯỢC PHẨM PVN

Nhóm 2: Thuốc sản xuất trên dây chuyền sản xuất đạt tiêu chuẩn EU-GMP hoặc PIC/s-GMP nhưng không thuộc nước tham gia ICH và Australia																
1	68	Amoxicillin (dưới dạng Amoxicillin trihydrat) + Acid clavulanic (dưới dạng clavulanat kali)	Alclav Forte	Alclav Forte dry syrup 312.5mg/5ml	VN-18133-14	(250mg+62.5 mg)/5ml	Bột pha hỗn dịch uống	Chai 100ml	Uống	Chai	Alkem Laboratories Ltd.	India	Hộp 1 chai bột để pha 100 ml hỗn dịch	126,000	200	25,200,000
2	75	Mometasone furoate (dưới dạng Mometasone furoate monohydrate)	Momate		VN-19174-15	0,05% kl/kl	Hỗn dịch xịt mũi	Bình xịt 60 liều	Xịt mũi	Bình	Glenmark Pharmaceuticals Ltd	India	Hộp 1chai 60 liều	145,000	500	72,500,000
TỔNG CỘNG														2.00	97,700,000.00	
TỔNG CỘNG														2.00	97,700,000.00	

31 CÔNG TY CỔ PHẦN PYMEPHARCO

Nhóm 1: Thuốc sản xuất trên dây chuyền sản xuất đạt tiêu chuẩn EU-GMP hoặc PIC/s-GMP tại cơ sở sản xuất thuộc nước tham gia ICH và Australia;+ Thuốc sản xuất trên dây chuyền sản xuất thuốc đạt tiêu chuẩn WHO-GMP do Bộ Y tế Việt Nam cấp giấy chứng nhận và được cơ quan quản lý quốc gia có thẩm quyền cấp phép lưu hành tại nước tham gia ICH hoặc Australia																
1	13	Cefpodoxim (dưới dạng Cefpodoxim proxetil)	CEPOXITIL 200		VD-24433-16	200mg	viên nén bao phim		Uống	Viên	Công ty cổ phần Pymepharco	Việt Nam	Hộp 1 vi x 10 viên	9,990	4,000	39,960,000
TỔNG CỘNG														1.00	39,960,000.00	

Nhóm 3: Thuốc sản xuất trên dây chuyền sản xuất đạt tiêu chuẩn WHO-GMP được Bộ Y tế Việt Nam cấp giấy chứng nhận

2	140	Esomeprazol (dưới dạng vi chất chứa Esomeprazol 22%)	Esoxium Caps. 40	Esomeprazole EG 40mg	VD-26409-17	40mg	Viên nang cứng chứa vi hạt bao tan trong ruột		Uống	Viên	Công ty cổ phần Pymepharco	Việt Nam	Hộp 2 vi x 10 viên	2,700	10,000	27,000,000
3	148	Cao Ginkgo Biloba	PymeGINMACTO N 120		V14-H12-14 (có công văn gia hạn hiệu lực số 1884/QLD-ĐK ngày 22/02/2019)	120mg	viên nang mềm		Uống	Viên	Công ty cổ phần Pymepharco	Việt Nam	Hộp 10 vi x 10 viên	2,700	12,000	32,400,000
4	165	Moxifloxacin (dưới dạng Moxifloxacin HCl)	MOQUIN TAB		VD-23843-15	400mg	viên nén bao phim		Uống	Viên	Công ty cổ phần Pymepharco	Việt Nam	Hộp 1 vi x 5 viên	10,200	3,000	30,600,000

TỔNG CỘNG **3.00** **90,000,000.00**

Nhóm 4: Thuốc có chứng minh tương đương sinh học do Bộ Y tế công bố

5	211	Cefaclor (dưới dạng Cefaclor monohydrat)	PYFACLOR Kid	Pyfaclor Kid	VD-26427-17	125mg	Thuốc cốm		Uống	Gói	Công ty cổ phần Pymepharco	Việt Nam	Hộp 24 gói x 2g	3,990	5,000	19,950,000
---	-----	--	--------------	--------------	-------------	-------	-----------	--	------	-----	----------------------------	----------	-----------------	-------	-------	------------

TỔNG CỘNG **1.00** **19,950,000.00**

Nhóm 5: Thuốc không đáp ứng tiêu chí các lô 1, 2, 3, 4

6	217	Carbocistein	CARFLEM		VD-23201-15	375mg	Viên nang cứng		Uống	Viên	Công ty cổ phần Pymepharco	Việt Nam	Hộp 3 vi x 10 viên	1,250	3,000	3,750,000
---	-----	--------------	---------	--	-------------	-------	----------------	--	------	------	----------------------------	----------	--------------------	-------	-------	-----------

TỔNG CỘNG **1.00** **3,750,000.00**

TỔNG CỘNG **6.00** **153,660,000.00**

32 CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM SONG VIỆT

Nhóm 2: Thuốc sản xuất trên dây chuyền sản xuất đạt tiêu chuẩn EU-GMP hoặc PIC/s-GMP nhưng không thuộc nước tham gia ICH và Australia

1	73	Levocetirizin dihydroclorid	Levoseren Solution		VN-19338-15	0,0375g/75ml	Dung dịch uống	Chai 75ml	Uống	Lọ	Samil Pharm. Co., Ltd	Korea	Hộp 1 lọ 75ml	105,000	200	21,000,000
---	----	-----------------------------	--------------------	--	-------------	--------------	----------------	-----------	------	----	-----------------------	-------	---------------	---------	-----	------------

TỔNG CỘNG **1.00** **21,000,000.00**

Nhóm 3: Thuốc sản xuất trên dây chuyền sản xuất đạt tiêu chuẩn WHO-GMP được Bộ Y tế Việt Nam cấp giấy chứng nhận

2	96	Amoxicilin (dưới dạng Amoxicilin trihydrat) + Acid clavulanic (dưới dạng Kaliclavulanat + Cellulose vi tinh thể tỷ lệ 1:1)	Iba-Mentin 1000mg/ 62,5mg		VD-28065-17	1000mg + 62,5mg	Viên nén bao phim		Uống	Viên	Công ty cổ phần dược phẩm Trung Ương 1 - Pharbaco	Việt Nam	Hộp 2 vi x 7 viên	16,000	6,000	96,000,000
---	----	--	---------------------------	--	-------------	-----------------	-------------------	--	------	------	---	----------	-------------------	--------	-------	------------

														TỔNG CỘNG	1.00	96,000,000.00	
														TỔNG CỘNG	2.00	117,000,000.00	
33	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM TÂM NHẤT																
Nhóm 3: Thuốc sản xuất trên dây chuyền sản xuất đạt tiêu chuẩn WHO-GMP được Bộ Y tế Việt Nam cấp giấy chứng nhận																	
1	109	Cefdinir	Cefdinir 100mg		VD-29925-18	100mg	Viên nang cứng		Uống	Viên	Công ty cổ phần dược S.Pharm	Việt Nam	Hộp 50 vi x 10 viên	1,171	5,000	5,855,000	
2	175	dung dịch oxy già	DD Oxy Già 10 thể tích		VS-4798-11	10 thể tích	Dung dịch dùng ngoài	Chai 60ml	Dùng ngoài	Chai	Công ty cổ phần dược S.Pharm	Việt Nam	Chai 60ml	1,305	4,000	5,220,000	

														TỔNG CỘNG	2.00	11,075,000.00	
														TỔNG CỘNG	2.00	11,075,000.00	
34	CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ THÁI AN																
Nhóm 1: Thuốc sản xuất trên dây chuyền sản xuất đạt tiêu chuẩn EU-GMP hoặc PIC/s-GMP tại cơ sở sản xuất thuộc nước tham gia ICH và Australia;+ Thuốc sản xuất trên dây chuyền sản xuất thuốc đạt tiêu chuẩn WHO-GMP do Bộ Y tế Việt Nam cấp giấy chứng nhận và được cơ quan quản lý quốc gia có thẩm quyền cấp phép lưu hành tại nước tham gia ICH hoặc Australia																	
1	58	Suxamethonium clorid dihydrat	Suxamethonium clorid VUAB 100mg		7386/QLD-KD	Suxamethonium clorid dihydrat 110mg (tương đương suxamethonium clorid 100mg)	Thuốc tiêm		Tiêm	lọ	VUAB Pharma a.s	Cộng hòa Séc	Hộp 1 lọ	15,603	5,000	78,015,000	

														TỔNG CỘNG	1.00	78,015,000.00	
														TỔNG CỘNG	1.00	78,015,000.00	
36	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2																
Nhóm 1: Thuốc sản xuất trên dây chuyền sản xuất đạt tiêu chuẩn EU-GMP hoặc PIC/s-GMP tại cơ sở sản xuất thuộc nước tham gia ICH và Australia;+ Thuốc sản xuất trên dây chuyền sản xuất thuốc đạt tiêu chuẩn WHO-GMP do Bộ Y tế Việt Nam cấp giấy chứng nhận và được cơ quan quản lý quốc gia có thẩm quyền cấp phép lưu hành tại nước tham gia ICH hoặc Australia																	
1	31	lidocain hydroclorid khan (dưới dạng Lidocain hydroclorid monohydrat)	Xylocaine Jelly		VN-19788-16	2%	Thuốc dùng ngoài	Tuýp 30g	Dùng ngoài	Tuýp	Recipharm Karlskoga AB	Thụy Điển	Hộp 10 tuýp x 30g Gel	55,600	800	44,480,000	

2	41	Dầu đậu nành tinh chế (Nhũ dịch lipid)	Lipovenoes 10% PLR		VN-17439-13	Mỗi 250ml nhũ tương chứa: Dầu đậu nành tinh chế 25g, Glycerol 6,25g	Nhũ tương để tiêm truyền tĩnh mạch	Chai/Túi 250ml	Tiêm truyền tĩnh mạch	Chai	Fresenius Kabi Austria GmbH	Áo	Thùng 10 chai 250ml	90,500	300	27,150,000
3	57	Sugammadex (dưới dạng sugammadex natri)	Bridion		VN-21211-18	100mg/ml	dung dịch tiêm tĩnh mạch	Ống 2ml	Tiêm	Lọ	Patheon Manufacturing Services LLC; đóng gói tại: N.V. Organon	Mỹ, đóng gói Hà Lan	Hộp 10 lọ 2ml	1,814,340	500	907,170,000

TỔNG CỘNG **3.00** **978,800,000.00**

Nhóm 2: Thuốc sản xuất trên dây chuyền sản xuất đạt tiêu chuẩn EU-GMP hoặc PIC/s-GMP nhưng không thuộc nước tham gia ICH và Australia

4	66	Amoxicillin (dưới dạng Amoxicillin trihydrate); Acid clavulanic (dưới dạng Kali clavulanate)	Curam 250mg/5ml (cơ sở xuất xưởng lô: Sandoz GmbH - Đ/c: BiochemiestraBe 10 6250 Kundl, Austria)	Curam 250mg/5ml	VN-17450-13	(250mg + 62,5mg)/5ml	Thuốc bột/cốm	Chai 60ml	Uống	Chai	Sandoz GmbH (cơ sở xuất xưởng lô: Sandoz GmbH - Đ/c: BiochemiestraBe 10 6250 Kundl, Austria)	Áo	Hộp 1 chai 7,5g bột để pha 60ml hỗn dịch	83,000	500	41,500,000
---	----	--	--	-----------------	-------------	----------------------	---------------	-----------	------	------	--	----	--	--------	-----	------------

TỔNG CỘNG **1.00** **41,500,000.00**

TỔNG CỘNG **4.00** **1,020,300,000.00**

37 CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CODUPHA

Nhóm 1: Thuốc sản xuất trên dây chuyền sản xuất đạt tiêu chuẩn EU-GMP hoặc PIC/s-GMP tại cơ sở sản xuất thuộc nước tham gia ICH và Australia;+ Thuốc sản xuất trên dây chuyền sản xuất thuốc đạt tiêu chuẩn WHO-GMP do Bộ Y tế Việt Nam cấp giấy chứng nhận và được cơ quan quản lý quốc gia có thẩm quyền cấp phép lưu hành tại nước tham gia ICH hoặc Australia

1	2	Aciclovir	Kemivir 800mg		VN-17097-13 (CÔNG VĂN GIA HẠN SỐ 20060/QLD-ĐK NGÀY HẾT HẠN 22/10/2019)	800mg	Viên nén		Uống	Viên	Medochemie Ltd.	Cyprus	Hộp 1 vỉ x 10 viên	12,850	3,000	38,550,000
---	---	-----------	---------------	--	--	-------	----------	--	------	------	-----------------	--------	--------------------	--------	-------	------------

TỔNG CỘNG **1.00** **38,550,000.00**

Nhóm 3: Thuốc sản xuất trên dây chuyền sản xuất đạt tiêu chuẩn WHO-GMP được Bộ Y tế Việt Nam cấp giấy chứng nhận

2	133	Diazepam	Diazepam 5mg		VD-24311-16	5mg	Viên nén		Uống	Viên	Chi nhánh Công ty cổ phần dược phẩm trung ương Vidipha tại Bình Dương	Việt Nam	Hộp 10 vỉ x 10 viên	240	1,000	240,000
---	-----	----------	--------------	--	-------------	-----	----------	--	------	------	---	----------	---------------------	-----	-------	---------

3	150	Glucose (Dextrose)	Glucose 10%		VD-30703-18	10%	Dung dịch tiêm truyền tĩnh mạch	Chai 500ml	Tiêm truyền tĩnh mạch	Chai	Công ty cổ phần Otsuka OPV	Việt Nam	Chai 500ml	10,450	200	2,090,000
4	170	Natri clorid	Sodium chloride 0,9%		VD-24019-15	0,9g/100ml	Dung dịch tiêm truyền tĩnh mạch	Chai/ Túi 500ml	Tiêm truyền tĩnh mạch	Chai	Công ty cổ phần dược phẩm Otsuka Việt Nam	Việt Nam	Chai nhựa 500ml	8,179	2,000	16,358,000
5	189	Mỗi 500ml chứa: Calci clorid.2H2O 0,1g; Kali clorid 0,15g; Natri clorid 3g; Natri lactat 1,55g (Ringer lactat)	Lactated Ringer's		VD-25377-16	Mỗi 500ml chứa: Calci clorid.2H2O 0,1g; Kali clorid 0,15g; Natri clorid 3g; Natri lactat 1,55g	Dung dịch tiêm truyền tĩnh mạch	Chai/Túi 500ml	Truyền tĩnh mạch	Chai	Công ty cổ phần dược phẩm Otsuka Việt Nam	Việt Nam	Chai nhựa 500ml	8,594	30,000	257,820,000
TỔNG CỘNG														4.00	276,508,000.00	
TỔNG CỘNG														5.00	315,058,000.00	

38 CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CPC1

Nhóm 1: Thuốc sản xuất trên dây chuyền sản xuất đạt tiêu chuẩn EU-GMP hoặc PIC/s-GMP tại cơ sở sản xuất thuộc nước tham gia ICH và Australia;+ Thuốc sản xuất trên dây chuyền sản xuất thuốc đạt tiêu chuẩn WHO-GMP do Bộ Y tế Việt Nam cấp giấy chứng nhận và được cơ quan quản lý quốc gia có thẩm quyền cấp phép lưu hành tại nước tham gia ICH hoặc Australia

1	21	Ephedrin hydroclorid	Ephedrine Aguetant inj 30mg/ml	Ephedrine Aguetant 30mg/ml	VN-19221-15	30mg/ml	Dung dịch tiêm truyền tĩnh mạch	Ống 1ml	Tiêm	Ống	Laboratoire Aguetant	France	Hộp 10 ống x 01ml	57,750	300	17,325,000
2	43	Noradrenalin (dưới dạng noradrenalin tartrat)	Levonor		VN-20116-16	1mg/1ml	Dung dịch tiêm truyền	Ống 1ml	Tiêm	Ống	Warsaw Pharmaceutical Works Polfa S.A.	Poland	Hộp 10 ống x 1ml	35,000	20	700,000
TỔNG CỘNG														2.00	18,025,000.00	

Nhóm 3: Thuốc sản xuất trên dây chuyền sản xuất đạt tiêu chuẩn WHO-GMP được Bộ Y tế Việt Nam cấp giấy chứng nhận

3	164	Morphin hydroclorid	Morphin (Morphin hydroclorid 10mg/ml)		VD-24315-16	10mg/ml	Dung dịch tiêm		Tiêm	Ống	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm trung ương Vidipha tại Bình Dương	Việt Nam	hộp 10 ống x 1ml	4,750	30	142,500
4	177	Oxacilin (dưới dạng Oxacilin natri)	Oxacilin 1g		VD-31240-18	1g	Thuốc bột pha tiêm		Tiêm	Lọ	Công ty cổ phần dược phẩm VCP	Việt Nam	Hộp 10 lọ	24,000	50	1,200,000
TỔNG CỘNG														2.00	1,342,500.00	
TỔNG CỘNG														4.00	19,367,500.00	

40 CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TV.PHARM																
Nhóm 3: Thuốc sản xuất trên dây chuyền sản xuất đạt tiêu chuẩn WHO-GMP được Bộ Y tế Việt Nam cấp giấy chứng nhận																
1	105	Cefaclor	Vitraclor 125mg		VD-19980-13 (Có CV DTHL SDK số 19652/QLD-ĐK ngày 17 tháng 10 năm 2018)	125mg	Bột pha hỗn dịch uống		Uống	Gói	Công ty cổ phần dược phẩm TV.Pharm	Việt Nam	Hộp 12 gói x 2g	1,189	5,000	5,945,000
2	108	Cefadroxil	Cefadroxil 500mg		VD-23712-15	500mg	Viên nang cứng		Uống	Viên	Công ty cổ phần dược phẩm TV.Pharm	Việt Nam	Hộp 10 vi x 10 viên	768	10,000	7,680,000
3	110	Cefdinir	Cefdinir		VD-17986-12 (có CV DTHL SDK số 3736/QLD-ĐK ngày 21 tháng 3 năm 2019)	300mg	Viên nang cứng		Uống	Viên	Công ty cổ phần dược phẩm TV.Pharm	Việt Nam	Hộp 1 vi x 10 viên	2,508	20,000	50,160,000
4	112	Cefpodoxim (dưới dạng Cefpodoxim proxetil)	Ceforipin 100		VD-20480-14	100mg	Viên nén bao phim		Uống	Viên	Công ty cổ phần dược phẩm TV.Pharm	Việt Nam	Hộp 10 vi x 10 viên	946	6,000	5,676,000
5	146	Flunarizin (dưới dạng Flunarizin dihydrochlorid)	Flunarizine 5mg		VD-23073-15	5mg	Viên nang cứng		Uống	Viên	Công ty cổ phần dược phẩm TV.Pharm	Việt Nam	Hộp 3 vi x 10 viên	255	50,000	12,750,000
6	149	Cao bạch quả chuẩn hóa (Ginkgo biloba)	Gingokan		VD-17772-12	40mg/viên	Viên nén bao phim		Uống	Viên	Công ty cổ phần dược phẩm và sinh học y tế	Việt Nam	Hộp 2 vi x 15 viên	278	50,000	13,900,000
7	163	Montelukast (dưới dạng Montelukast natri)	Ingair 5mg		VD-20868-14	5mg	Viên nén nhai		Uống	Viên	Công ty cổ phần dược phẩm TV.Pharm	Việt Nam	Hộp 3 vi nhôm/nhóm x 10 viên	798	5,000	3,990,000
													TỔNG CỘNG	7.00	100,101,000.00	
													TỔNG CỘNG	7.00	100,101,000.00	

41 CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DƯỢC PHẨM ÚC CHÂU																
Nhóm 3: Thuốc sản xuất trên dây chuyền sản xuất đạt tiêu chuẩn WHO-GMP được Bộ Y tế Việt Nam cấp giấy chứng nhận																
1	155	Lactobacillus acidophilus	BACIVIT-H		QLSP-834-15	>=10 ⁹ CFU	Thuốc bột uống		Uống	Gói	CTY LDDP Mebiphar-Austrapharm	Việt Nam	Hộp 100 gói	870	60,000	52,200,000
													TỔNG CỘNG	1.00	52,200,000.00	
													TỔNG CỘNG	1.00	52,200,000.00	

42 CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM VẠN HÙNG																
------------------------------------	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

Nhóm 1: Thuốc sản xuất trên dây chuyền sản xuất đạt tiêu chuẩn EU-GMP hoặc PIC/s-GMP tại cơ sở sản xuất thuộc nước tham gia ICH và Australia;+ Thuốc sản xuất trên dây chuyền sản xuất thuốc đạt tiêu chuẩn WHO-GMP do Bộ Y tế Việt Nam cấp giấy chứng nhận và được cơ quan quản lý quốc gia có thẩm quyền cấp phép lưu hành tại nước tham gia ICH hoặc Australia

1	18	Desloratadine	Tadaritin		VN-16644-13 (Có CVGH số 14273/QLD-ĐK ngày 25/07/2018/)	5mg	Viên nén bao phim		Uống	Viên	Laboratorios Lesvi, S.L.	Spain	Hộp 3 vỉ x 10 viên	6,230	10,000	62,300,000
---	----	---------------	-----------	--	--	-----	----------------------	--	------	------	-----------------------------	-------	-----------------------	-------	--------	------------

TỔNG CỘNG 1.00 62,300,000.00

TỔNG CỘNG 1.00 62,300,000.00

43 CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM VĂN LANG

Nhóm 4: Thuốc có chứng minh tương đương sinh học do Bộ Y tế công bố

1	215	Mỗi gói chứa: Cefuroxim (dưới dạng Cefuroxim axetil)	Mulpax S-250		VD-23430-15	250mg	Thuốc bột pha hỗn dịch uống		Uống	Gói	Công ty Cổ phần US Pharma USA	Việt Nam	Hộp 14 gói x 3g	7,329	5,000	36,645,000
---	-----	--	--------------	--	-------------	-------	-----------------------------------	--	------	-----	----------------------------------	----------	--------------------	-------	-------	------------

TỔNG CỘNG 1.00 36,645,000.00

TỔNG CỘNG 1.00 36,645,000.00

44 CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG VIDIPHA

Nhóm 3: Thuốc sản xuất trên dây chuyền sản xuất đạt tiêu chuẩn WHO-GMP được Bộ Y tế Việt Nam cấp giấy chứng nhận

1	126	Mỗi 5ml chứa: Cloramphenicol, Dexamethason natri phosphat	DEXINACOL		VD-22536-15	20mg+5mg	Dung dịch thuốc nhỏ mắt	Chai/lọ 5ml	Nhỏ mắt	Chai	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm trung ương Vidipha tại Bình Dương	Việt Nam	Hộp 1 lọ 5ml	3,381	60,000	202,860,000
2	166	Naphazolin nitart	RHYNIXSOL		VD-21379-14	7,5mg/15ml	Thuốc nhỏ mũi	Chai/Lọ 15ml	Nhỏ mũi	Chai	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm trung ương Vidipha tại Bình Dương	Việt Nam	Hộp 1 chai 15ml	2,625	12,000	31,500,000

TỔNG CỘNG 2.00 234,360,000.00

TỔNG CỘNG 2.00 234,360,000.00

45 CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VIỆT HÀ

Nhóm 1: Thuốc sản xuất trên dây chuyền sản xuất đạt tiêu chuẩn EU-GMP hoặc PIC/s-GMP tại cơ sở sản xuất thuộc nước tham gia ICH và Australia;+ Thuốc sản xuất trên dây chuyền sản xuất thuốc đạt tiêu chuẩn WHO-GMP do Bộ Y tế Việt Nam cấp giấy chứng nhận và được cơ quan quản lý quốc gia có thẩm quyền cấp phép lưu hành tại nước tham gia ICH hoặc Australia

1	9	Dequalinium chloride, Beta-glycyrrhethinic acid (enoxolone), Hydrocortisone acetate, Tyrothricin, Lidocain HCl	ANGINOVAG		VN-18470-14	1 mg + 0,6 mg + 0,6 mg + 4 mg + 1 mg	Dung dịch xịt họng	Chai 10ml	Xịt họng	Lọ	Ferrer Internacional S.A.	Tây Ban Nha	Hộp 1 lọ 10ml và một đầu phun	106,000	800	84,800,000
2	15	Codein base (dưới dạng Codein camphosulfonat), Sulfogaiacol, Cao mềm Grindelia	NEO-CODION		VN-18966-15	14,93 mg (25mg) + 100 mg + 20 mg	Viên nén bao đường		Uống	Viên	Sophartex	Pháp	Hộp 2 vi x 10 viên	3,585	2,000	7,170,000
3	30	Lidocain	LIDOCAIN		VN-20499-17	3.8g	Thuốc phun mù	Chai 38g	Phun mù	Lọ	Egis Pharmaceuticals Private Limited company	Hungary	Hộp 1 lọ 38g	159,000	800	127,200,000
4	54	Promethazine hydrochloride	PIPOLPHEN		VN-19640-16	50 mg/2ml	Dung dịch thuốc tiêm		Tiêm	Ống	Egis Pharmaceuticals Private Limited company	Hungary	Hộp 100 ống 2ml	13,500	100	1,350,000

TỔNG CỘNG **4.00** **220,520,000.00**

TỔNG CỘNG **4.00** **220,520,000.00**

46 CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT NGA

Nhóm 1: Thuốc sản xuất trên dây chuyền sản xuất đạt tiêu chuẩn EU-GMP hoặc PIC/s-GMP tại cơ sở sản xuất thuộc nước tham gia ICH và Australia;+ Thuốc sản xuất trên dây chuyền sản xuất thuốc đạt tiêu chuẩn WHO-GMP do Bộ Y tế Việt Nam cấp giấy chứng nhận và được cơ quan quản lý quốc gia có thẩm quyền cấp phép lưu hành tại nước tham gia ICH hoặc Australia

1	24	Etamsylat	Cyclonamine 12.5%		VN-21709-19	125mg/ml	Dung dịch tiêm		Tiêm	Ống	Pharmaceutical Works Polpharma S.A.	Poland	Hộp 5 ống 2ml	24,500	4,800	117,600,000
---	----	-----------	-------------------	--	-------------	----------	----------------	--	------	-----	-------------------------------------	--------	---------------	--------	-------	-------------

TỔNG CỘNG **1.00** **117,600,000.00**

TỔNG CỘNG **1.00** **117,600,000.00**

47 CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VIỆT PHÁP ĐỨC

Nhóm 3: Thuốc sản xuất trên dây chuyền sản xuất đạt tiêu chuẩn WHO-GMP được Bộ Y tế Việt Nam cấp giấy chứng nhận

1	118	Ceftibuten (dưới dạng Ceftibuten dihydrat)	CEFBUTEN 200		VD-24119-16	200mg	Viên nang cứng (trắng - hồng)		Uống	Viên	Công ty CP Dược Phẩm Am Vi	Việt Nam	Hộp 1 vi x 10viên	32,000	5,000	160,000,000
2	186	Mỗi 60ml chứa: Piracetam 12g	DECAZONE	DECAZONE 12g/60ml	VD-27762-17	12g	Dung dịch tiêm truyền tĩnh mạch		Tiêm truyền	Chai	Công ty CP Dược Phẩm Am Vi	Việt Nam	Hộp 1 túi 60ml	33,800	20,000	676,000,000

3	204	L-Leucin 18,3mg; L-Isoleusin 5,9mg; Lysin HCl 25mg; L-Phenylalanin 5mg; L-Threonin 4,2mg; L-Valin 6,7mg; L-Tryptophan 5mg; L-Methionin 18,4mg; 5-Hydroxyanthranilic acid HCl 0,2mg; Vitamin A 2000IU; Vitamin D2 200IU; Vitamin B1 5mg; Vitamin B2 3mg; Nicotinamid 20mg; Vitamin B6 2,5mg; acid Folic 0,2mg; Calcium pantothenat 5mg; Vitamin B12 1mcg; Vitamin C 20mg; Vitamin E 1mg	MORIAMIN FORTE		VD-23274-15	L-Leucin 18,3mg; L-Isoleusin 5,9mg; Lysin HCl 25mg; L-Phenylalanin 5mg; L-Threonin 4,2mg; L-Valin 6,7mg; L-Tryptophan 5mg; L-Methionin 18,4mg; 5-Hydroxyanthranilic acid HCl 0,2mg; Vitamin A 2000IU; Vitamin D2 200IU; Vitamin B1 5mg; Vitamin B2 3mg; Nicotinamid 20mg; Vitamin B6 2,5mg; acid Folic 0,2mg; Calcium pantothenat 5mg; Vitamin B12 1mcg; Vitamin C 20mg; Vitamin E	Viên nang cứng		Uống	Viên	Công ty Roussel VN	Việt Nam	Hộp 1 túi nhôm x 3m vi x 10 viên	3,200	5,000	16,000,000
---	-----	--	----------------	--	-------------	--	----------------	--	------	------	--------------------	----------	----------------------------------	-------	-------	------------

TỔNG CỘNG **3.00** **852,000,000.00**

TỔNG CỘNG **3.00** **852,000,000.00**

48 CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN VIMEDIMEX BÌNH DƯƠNG

Nhóm 1: Thuốc sản xuất trên dây chuyền sản xuất đạt tiêu chuẩn EU-GMP hoặc PIC/s-GMP tại cơ sở sản xuất thuộc nước tham gia ICH và Australia;+ Thuốc sản xuất trên dây chuyền sản xuất thuốc đạt tiêu chuẩn WHO-GMP do Bộ Y tế Việt Nam cấp giấy chứng nhận và được cơ quan quản lý quốc gia có thẩm quyền cấp phép lưu hành tại nước tham gia ICH hoặc Australia

1	5	Amiodarone hydroclorid	Cordarone 150mg/3ml		VN-20734-17	150mg/3ml	Dung dịch tiêm		Tiêm tĩnh mạch	Óng	Sanofi Winthrop Industries	Pháp	Hộp 6 ống x 3ml	30,048	20	600,960
---	---	------------------------	---------------------	--	-------------	-----------	----------------	--	----------------	-----	----------------------------	------	-----------------	--------	----	---------

2	8	Bào tử kháng đa kháng sinh Bacillus clausii	Enterogermina		QLSP-0728-13 (CÓ CV GIA HẠN SỐ 14618/QLD-ĐK NGÀY 30/07/2018)	2 tỷ bào tử /5ml	Hỗn dịch uống		Uống	Ống	Sanofi S.p.A	Ý	Hộp 2 vi x 10 ống x 05ml	5,707	500	2,853,500
3	10	Betahistine dihydrochloride	Betaserc 16mg		VN-17206-13 (CÓ CV GIA HẠN SỐ 19981/QLD-ĐK NGÀY 22/10/2018)	16mg	viên nén		Uống	Viên	Mylan Laboratories SAS	Pháp	Hộp 3 vi x 20 viên	1,986	10,000	19,860,000
4	11	Betahistine dihydrochloride	Betaserc 24mg		VN-12029-11 (CÓ CV GIA HẠN SỐ 864/QLD-ĐK NGÀY 24/01/2019)	24mg	viên nén		Uống	Viên	Mylan Laboratories SAS	Pháp	Hộp 5 vi x 10 viên	5,962	16,000	95,392,000
5	12	Betamethasone dipropionate + Betamethasone sodium phosphate	Diprosan Injection		VN-15551-12 (CÓ CV GIA HẠN SỐ 9889/QLD-ĐK NGÀY 31/05/2018)	6,43mg/ml + 2,63mg/ml	Hỗn dịch tiêm	Ống 1ml	Tiêm	Ống	Schering - Plough Labo N.V.	Bi	Hộp 1 ống 1ml	63,738	500	31,869,000
6	17	Desflurane	Suprane		VN-17261-13 (CÓ CV GIA HẠN SỐ 19857 NGÀY 19/10/2018)	100%	Thuốc mê bay hơi (chất lỏng dùng để hít)	Chai 240ml	Dạng hít	Chai	Baxter Healthcare Corporation	Mỹ	Chai 240ml	2,700,000	100	270,000,000
7	28	Insulin Human	Actrapid		QLSP-1029-17	1000IU/10ml	Dung dịch tiêm	Lọ 10ml	Tiêm	Lọ	Novo Nordisk Production S.A.S	France	Hộp chứa 1 lọ x 10ml	80,000	50	4,000,000
8	29	Insulin người rDNA (30% insulin hòa tan và 70% insulin isophane)	Mixtard 30 FlexPen		QLSP-1056-17 (CÓ CV ĐÍNH CHÍNH HOẠT CHẤT, HÀM LƯỢNG SỐ 2680/QLD-ĐK NGÀY 07/03/2019)	300IU/3ml	Hỗn dịch tiêm	Bút tiêm 3ml	Tiêm	Bút	Novo Nordisk Production S.A.S	Pháp	Hộp chứa 5 bút tiêm bơm sẵn thuốc x 3ml	140,000	50	7,000,000
9	39	Nefopam hydroclorid	Acupan (xuất xưởng: Biocodex, địa chỉ: 1, Avenue Blaide Pascal-60000 Beauvais-France)	Acupan	VN-18589-15	20mg	dung dịch tiêm		Tiêm	Ống	Delpharm Tours (xuất xưởng: Biocodex)	Pháp	Hộp 5 ống 2ml	33,000	50	1,650,000

10	42	Nicardipin hydrochlorid	Nicardipine Aguettant 10mg/10ml		VN-19999-16	10mg/10ml	Dung dịch tiêm truyền tĩnh mạch		Tiêm truyền	Ống	Laboratoire Aguettant	Pháp	Hộp 10 ống x 10ml	124,999	20	2,499,980
11	44	Paracetamol	Efferalgan (Cơ sở xuất xưởng: (Upsa SAS, đ/c: 979, Avenue des Pyrénées, 47520 Le Passage, France	Efferalgan	VN-21850-19	150mg	thuốc đạn		Đặt hậu môn	Viên	UPSA SAS (Cơ sở xuất xưởng: (Upsa SAS, đ/c: 979, Avenue des Pyrénées, 47520 Le Passage, France)	Pháp	Hộp 2 vỉ x 5 viên	2,258	400	903,200
12	45	Paracetamol	Efferalgan (Cơ sở xuất xưởng: (Upsa SAS, đ/c: 979, Avenue des Pyrénées, 47520 Le Passage, France	Efferalgan	VN-21217-18	300mg	viên đạn		Đặt hậu môn	Viên	UPSA SAS (Cơ sở xuất xưởng: (Upsa SAS, đ/c: 979, Avenue des Pyrénées, 47520 Le Passage, France)	Pháp	Hộp 2 vỉ x 5 viên	2,641	800	2,112,800
13	46	Phenazone + Lidocaine hydrochloride	Otipax		VN-18468-14	4% + 1%	dung dịch nhỏ tai	Lọ 15ml	Nhỏ tai	Lọ	Biocodex	Pháp	Hộp 1 lọ 15ml (chứa 16g dung dịch nhỏ tai) kèm	54,000	200	10,800,000
14	55	Propofol	Propofol-Lipuro 1% (10mg/ml)	Propofol-Lipuro 1% (10mg/ml)	VN-5720-10 (CÓ CV GIA HẠN SỐ 14646/QLD-ĐK NGÀY 30/07/2018)	10mg/ml	Nhũ tương để tiêm hoặc truyền	Lọ/Ống 20ml	Tiêm truyền	Ống	B.Braun Melsungen AG	Đức	hộp 5 Ống 20ml	31,920	10,000	319,200,000

TỔNG CỘNG **14.00** **768,741,440.00**

Nhóm 3: Thuốc sản xuất trên dây chuyền sản xuất đạt tiêu chuẩn WHO-GMP được Bộ Y tế Việt Nam cấp giấy chứng nhận

15	190	Natri clorid; Kali clorid; Calci Clorid. 2H2O; Natri Lactat; Glucose monohydrat	Ringer lactat và Glucose 5%	Dịch truyền tĩnh mạch Ringer lactat và Glucose 5%	VD-16423-12(Có CVGH số 3200/QLD-ĐK ngày 18/03/2019)	Natri clorid; Kali clorid; Calci Clorid. 2H2O; Natri Lactat; Glucose monohydrat 5%	Dung dịch tiêm tuyền tĩnh mạch	Chai 500ml	Tiêm truyền	Chai	Công ty TNHH B.Braun Việt Nam	Việt Nam	Chai 500ml	11,550	3,000	34,650,000
16	208	Magnesi lactat dihydrat; Magnesi pidolat; Pyridoxin hydroclorid	Magne B6 Corbiere		VD-20815-14	186mg/10ml, 936mg/10ml, 10mg/10ml	Dung dịch uống		Uống	Ống	Công Ty Cổ Phần Dược Phẩm Sanofi-Synthelabo Việt Nam	Việt Nam	Hộp 1 vỉ x 10 ống x 10ml	2,789	3,000	8,367,000

TỔNG CỘNG **2.00** **43,017,000.00**

TỔNG CỘNG **16.00** **811,758,440.00**

Nhóm 3: Thuốc sản xuất trên dây chuyền sản xuất đạt tiêu chuẩn WHO-GMP được Bộ Y tế Việt Nam cấp giấy chứng nhận

1	128	Mỗi 10ml chứa: Acid boric (cồn boric)	CÔN BORIC 3%		VD-23481-15	300mg	Dung dịch nhỏ tai	Chai/Lọ 10ml	Nhỏ tai	Chai	CTY CPDP 3/2	Việt Nam	Hộp 1 chai 10ml	6,300	3,000	18,900,000
2	168	Mỗi 100 ml chứa: Natri clorid	NATRI CLORID 0,9%		VD-26717-17	09g/100ml	Dung dịch dùng ngoài	Chai 1000ml	Dùng ngoài	Chai	CTY CPDP 3/2	Việt Nam	Chai 1000ml	10,080	10,000	100,800,000

TỔNG CỘNG **2.00** **119,700,000.00****TỔNG CỘNG** **2.00** **119,700,000.00****Số lượng sản phẩm trúng thầu : 161****Tổng số nhà thầu trúng thầu: 44****Tổng trị giá trúng thầu : 10.077.077.220 đồng****Số tiền bằng chữ: Mười tỷ không trăm bảy mươi bảy triệu không trăm bảy mươi bảy ngàn hai trăm hai mươi đồng**

TP. Hồ Chí Minh, ngày tháng năm

GIÁM ĐỐC